

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-PT

Ngày 23-5-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Bà Bùi Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2020/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 35/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 306/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2020, **Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 02 năm 2021**, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T; nơi công tác: Đồn Biên phòng Bắc Sơn, thôn Lục Phủ, xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái, tỉnh QN; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Đoàn Thanh H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố An Khê 1, phường Đằng Lâm, quận HA, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số 4, Trại giam số 5, Cục C10 (Bộ Công an), huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:*

+ Ông Lê Đức Bảy – Luật sư Văn phòng Luật sư 19-8, Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Đoàn Thành Trung – Luật sư Văn phòng Luật sư Thành An, Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Chị Đoàn Thanh H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, đơn đề nghị và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

+ Về hôn nhân: Anh và chị Đoàn Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Toàn Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào ngày 31 tháng 3 năm 1995. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng trong tính cách và lối sống. Mặt khác, trong cuộc sống vợ chồng chị H không trung thực về kinh tế gia đình, anh đã nhiều lần hỏi nhưng chị H giấu anh. Đến đầu năm 2011, chị H bị bắt và bị xử phạt 18 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” hiện đang chấp hành án tại Trại Giam số 5, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, nên vợ chồng sống xa cách không còn trách nhiệm gì với nhau. Hơn nữa, do anh luôn nghi ngờ chị H không chung thủy trong quan hệ vợ chồng nên anh đã lấy mẫu của anh và con chung Nguyễn Văn Trường làm thủ tục xét nghiệm ADN. Kết quả xét nghiệm thể hiện anh và cháu Trường không cùng huyết thống cha con. Điều này làm cho tình cảm vợ chồng nhạt phai, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Nguyễn Thu Hà, sinh ngày 09 tháng 02 năm 1996 và Nguyễn Văn Trường, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2010. Mặc dù, cháu Trường không cùng huyết thống với anh nhưng anh đã nuôi dưỡng cháu từ nhỏ nên tình cảm gắn bó. Mặt khác, hiện nay chị H đang chấp hành án phạt tù nên không thể nuôi dưỡng cháu Trường. Do đó, khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn Trường và không yêu cầu chị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung Nguyễn Thu Hà hiện nay đã trưởng thành trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ghi ngày 03 tháng 4 năm 2020 và Đơn đề nghị ngày 15 tháng 6 năm 2020, bị đơn là chị Đoàn Thanh H trình bày:

Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như lời trình bày của anh T là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn. Đến đầu năm 2011 chị vi phạm pháp luật và đang chấp hành án tại Trại giam số 5, tỉnh Thanh Hóa. Việc anh T xin ly hôn với chị là do vợ chồng sống xa nhau quá lâu nên anh T dao động tư tưởng. Bản thân chị vẫn yêu anh T nên không đồng ý ly hôn và **chị không trình bày quan điểm về con chung và tài sản chung.**

Tại Bản án số 35/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận HA đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Đoàn Thanh H.

2. Về nuôi con: Giao con Nguyễn Văn Trường, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2010 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Đối với con chung Nguyễn Thu Hà, sinh ngày 09 tháng 02 năm 1996 hiện nay đã trưởng thành trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Do anh T và chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 9 năm 2020, chị Đoàn Thanh H có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do:

- Tòa án cấp sơ thẩm thu thập tài liệu chứng cứ không khách quan, không hợp pháp; chỉ thu thập tài liệu có lợi cho nguyên đơn, bất lợi cho bị đơn, không thu thập tài liệu chứng cứ từ phía bố mẹ, anh chị em trong gia đình chị.

- Tòa án cấp sơ thẩm không trích xuất chỉ để chị tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và tham dự phiên tòa là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và thể hiện quan điểm vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có quan điểm gửi đến Tòa án vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm về nội dung và tố tụng như sau:

Về tố tụng: Tại Biên bản nghị án ngày 03 tháng 8 năm 2020 phần đầu ghi Hội thẩm nhân dân là bà Nguyễn Minh Hằng và ông Lưu Xuân Mung, song phần cuối Biên bản nghị án lại là ông Nguyễn Văn Hiếu và ông Lưu Xuân Mung ký là

vi phạm nghiêm trọng tổ tụng. Có sự sửa chữa thời gian nghị án. Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ 02 Đơn tố cáo Luật sư gửi tại phiên tòa ra khỏi hồ sơ vụ án; có sự sửa chữa, tẩy xóa tại Biên bản lấy lời khai của hàng xóm và Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa cháu Nguyễn Văn Trường (con chung của anh T và chị H) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là trái quy định của pháp luật; thực hiện việc thu thập tài liệu chứng cứ không khách quan, cố ý làm sai lệch bản chất vụ án, chỉ lấy lời khai đại diện phía gia đình nguyên đơn.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định về tình trạng hôn nhân của vợ chồng là trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được là không đúng quy định của pháp luật. Về con chung: Anh T có cung cấp bản xét nghiệm ADN thể hiện cháu Trường không phải là con chung của anh T và chị H nhưng lại giao con chung cho anh T nuôi dưỡng là mâu thuẫn và trái pháp luật.

Từ nhận định trên đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 35/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 8 năm 2020, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án quận HA giải quyết lại vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc thay đổi Hội thẩm nhân dân tại Tòa án cấp sơ thẩm: Xét thấy đây chỉ là sơ suất trong quá trình soạn thảo văn bản, không ảnh hưởng đến bản chất sự việc. Hội thẩm nhân dân tham gia phiên tòa vẫn là ông Hiếu và ông Mung. Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm có một số vi phạm trong việc đánh máy nhưng không ảnh hưởng đến quyền của đương sự.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Thực tế từ năm 2011 đến nay, chị H phải chấp hành án phạt tù, chị H đã không làm tròn nghĩa vụ vợ chồng, vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, là nguyên nhân chính dẫn đến việc mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh T được ly hôn với chị H là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về con chung: Do các bên không ai yêu cầu giải quyết tranh chấp xác nhận cha cho con, vì vậy cháu Trường vẫn là con chung của anh T và chị H. Hiện chị H đang chấp hành án phạt tù, nên không có điều kiện nuôi con, cháu Trường có nguyện vọng được ở với bố nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Trường cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng là đúng quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết là đúng quy định. Từ nhận định trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Đoàn Thanh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chị H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sau khi tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn là chị Đoàn Thanh H kháng cáo, do đó Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Đoàn Thanh H hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 5, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Lê Đức Bảy vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Xét kháng cáo của bị đơn và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm:

[3.1] Về kháng cáo của bị đơn đề nghị được có mặt tại phiên tòa: Hiện nay bị đơn chị Đoàn Thanh H đang chấp hành án với mức án 18 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tại cấp sơ thẩm, chị H đã được Tòa án tổng đặt hợp lệ các văn bản tố tụng và bản án của Tòa án, sau đó chị đã thực hiện quyền kháng cáo của mình. Tại cấp phúc thẩm, chị H cũng đã được Tòa án tổng đặt các văn bản tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm. Mặt khác, chị H có hai Luật sư là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị tại cấp phúc thẩm. Do đó, mặc dù chị không có mặt tại phiên tòa nhưng quyền và lợi ích hợp pháp của chị đã được đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Về thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm: Tại Biên bản nghị án ngày 03 tháng 8 năm 2020, Hội thẩm nhân dân ở đầu biên bản là ông Lưu Xuân Mung và bà Nguyễn Minh Hằng, cuối Biên bản nghị án là ông Lưu Xuân Mung và ông Nguyễn Văn Hiếu ký Biên bản nghị án. Song Bản án gốc, Biên bản phiên tòa đều thể hiện Hội thẩm nhân dân đúng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử là ông Lưu Xuân Mung và ông Nguyễn Văn Hiếu, Hội thẩm nhân dân tham gia phiên tòa vẫn là ông Mung và ông Hiếu. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện Kiểm sát, nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đều không có ý kiến gì về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa. Như vậy, sai sót này không ảnh hưởng đến bản chất sự việc, không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[3.3] Về việc thu thập tài liệu chứng cứ: Tòa án cấp sơ thẩm đã T hành xác minh thu thập tài liệu chứng cứ tại tổ dân phố, hàng xóm, đại diện gia đình nguyên đơn để chứng minh mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H. Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập bổ sung thêm ý kiến của đại diện gia đình bị đơn. Tuy nhiên, việc đánh giá mâu thuẫn vợ chồng và căn cứ cho ly hôn phải dựa trên tình trạng hôn nhân thực tế của vợ chồng. Do đó các quan điểm của người bảo vệ

quyền lợi cho bị đơn về việc thu thập tài liệu chứng cứ không đầy đủ, không khách quan là không có căn cứ.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Đoàn Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Toàn Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào ngày 31 tháng 3 năm 1995, theo quy định tại Điều 8; Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị H là do vợ chồng không tin tưởng nhau về mọi mặt. Đến năm 2011, chị H bị bắt và đi chấp hành án 18 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, từ đó đến nay tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Đến nay, bản thân anh T không còn tình cảm gì với chị H, tại phiên tòa phúc thẩm anh T có quan điểm gửi Tòa án anh vẫn giữ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị H. Như vậy, giữa anh T và chị H đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình về nghĩa vụ của vợ chồng. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xử cho anh Nguyễn Văn T và chị Đoàn Thanh H được ly hôn là có căn cứ.

[5] Về con chung: Tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh Nguyễn Văn T có cung cấp cho Tòa án 01 bản Kết luận giám định ADN KL 030154 của Phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ Gen-Viện công nghệ sinh học thể hiện giữa anh T và cháu Trường không có quan hệ huyết thống cha con. Tuy nhiên, đây chỉ là tài liệu tham khảo, không phải là căn cứ pháp lý để Tòa án xem xét giải quyết; mặt khác, giữa anh T và chị H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp xác nhận cha cho con. Do đó, về con chung, anh T và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thu Hà, sinh ngày 09 tháng 02 năm 1996 và cháu Nguyễn Văn Trường, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2010. Cháu Nguyễn Thu Hà hiện nay đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Văn Trường: Hiện nay chị H đang chấp hành án tại Trại giam số 5, tỉnh Thanh Hóa nên không có đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con. Anh T có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con và bản thân cháu có nguyện vọng được sống với bố. Xét thấy, yêu cầu của anh T về việc nuôi con chung là phù hợp với điều kiện thực tế của các bên, phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao con chung là cháu Nguyễn Văn Trường, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết, chị H không có quan điểm về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Đối với một số sai sót khác của Tòa án cấp sơ thẩm mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đã đưa ra không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự, không làm thay đổi bản chất vụ án nên không cần

thiết phải hủy bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[8] Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là chị Đoàn Thanh H và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của chị Đoàn Thanh H, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 35/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Đoàn Thanh H.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Văn Trường, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2010 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Đối với con chung Nguyễn Thu Hà, sinh ngày 09 tháng 02 năm 1996 hiện nay đã trưởng thành trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị H không có quan điểm về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh T đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục Thi hành

án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo biên lai thu tiền số 0005593, ngày 13 tháng 3 năm 2020.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Đoàn Thanh H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Chị H đã nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017838 ngày 10/9/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận HA, thành phố Hải Phòng, chị H còn phải nộp 100.000đ (một trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm.

5. Về quyền thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND quận HA;
- Chi cục THADS quận HA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Thị Thúy Hà